

Số: 156 /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán**  
**ngân sách nhà nước năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2022;*

*Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2022 các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

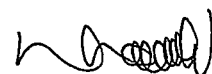
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



**GIÁM ĐỐC**



\_\_\_\_\_

**THUYẾT MINH**  
**Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi**  
**ngân sách nhà nước năm 2022**

*(Kèm theo Quyết định 156 /QĐ-STC ngày 16 tháng 01 năm 2022 về công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**1. Về ước thu, chi NSNN năm 2022:**

**1.1. Về thu NSNN:** Tổng thu NSNN trên địa bàn HĐND tỉnh giao đầu năm 6.861 tỷ đồng, cả năm đạt 12.761 tỷ đồng (*số liệu cập nhật đến ngày 26/9/2022*), vượt 86% dự toán và tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

**a) Thu nội địa:** Dự toán giao 6.390 tỷ đồng, cả năm đạt 12.088 tỷ đồng, vượt 89% dự toán và tăng 21%.

Nhìn chung cả năm tình hình sản xuất, kinh doanh của nhiều ngành trên địa bàn tỉnh vẫn tương đối ổn định. Nguồn cung hàng hóa đảm bảo; hoạt động thương mại, vận tải, sản xuất công nghiệp và xây dựng đều tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ. Nhờ đó, hầu như các khoản thu và thu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đều vượt cao so với dự toán giao.

**b) Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu:** cả năm đạt gần 629 tỷ đồng, vượt 37% dự toán và tăng 16% so với cùng kỳ.

**1.2. Về ước chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 11.918 tỷ đồng, cả năm đạt 11.743 tỷ đồng, bằng 99% dự toán, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 3.750 tỷ đồng, bằng 87,9% dự toán; cơ bản các nguồn vốn đạt tiến độ giải ngân, riêng vốn nước ngoài chỉ đạt 60% dự toán và vốn vay lại dự kiến chỉ đạt 35,9% dự toán do một số dự án giải ngân thấp như Dự án cải thiện môi trường nước đến nay chưa ký hợp đồng vay lại (phần vốn kết dư) nên chưa giao vốn; Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Chi thường xuyên đạt 7.559 tỷ đồng, tăng 2,5% so với dự toán chủ yếu là tăng chi bổ sung công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; chi diễn tập phòng thủ tại địa phương, chi tổ chức Lễ hội Festival Huế.

Chi thực hiện các chính sách, chế độ an sinh xã hội nói chung và hỗ trợ khắc phục dịch bệnh Covid 19 nói riêng đã được đáp ứng kịp thời, đầy đủ. Việc sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp theo tiến độ thu NSNN đã được điều hành chặt chẽ, tiết kiệm.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: Mặc dù nguồn vốn mới phân khai cuối năm và năm đầu tiên triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, tuy nhiên, UBND tỉnh cũng đã đôn đốc và chỉ đạo các ngành, các cấp, các chủ dự án phân đấu tỷ lệ giải ngân đạt cao để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>7.011.300</b>	<b>12.911.600</b>	<b>184</b>	<b>121</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>6.861.300</b>	<b>12.761.600</b>	<b>186</b>	<b>119</b>
1	Thu nội địa	6.390.300	12.088.600	189	121
2	Thu từ đầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	460.000	629.000	137	116
4	Thu viện trợ	11.000	44.000	400	26
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>150.000</b>	<b>150.000</b>	<b>100</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.918.329</b>	<b>11.744.440</b>	<b>99</b>	<b>107</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>9.756.724</b>	<b>9.415.603</b>	<b>97</b>	<b>104</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.148.720	1.844.383	86	124
2	Chi thường xuyên	7.387.968	7.559.351	102	100
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	10.689	100	163
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100	0
5	Dự phòng ngân sách	208.167	0	0	0
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>2.161.605</b>	<b>2.328.837</b>	<b>108</b>	<b>109</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>403.300</b>	<b>164.527</b>	<b>41</b>	<b>0</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC</b>	<b>15.600</b>	<b>15.600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
			DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>12.761.600</b>	<b>186</b>	<b>112</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>12.088.600</b>	<b>189</b>	<b>114</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	503.100	144	111
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.463.000	164	117
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.575.000	158	105
4	Thuế thu nhập cá nhân	589.000	203	131
5	Thuế bảo vệ môi trường	402.000	64	61
6	Lệ phí trước bạ	401.000	154	105
7	Thu phí, lệ phí	169.000	122	105
8	Các khoản thu về nhà, đất	4.393.500	333	119
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26.000	186	175
-	Thu tiền sử dụng đất	2.886.000	241	82
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.479.000	1.409	1.220
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	2.500	125	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	70.000	156	87

10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	20.000	112.000	560	0
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	78.000	111	152
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	22.300	26.000	117	102
13	Thu khác ngân sách	138.000	307.000	222	162
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>	0	0		
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	460.000	629.000	137	111
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	371.160	520.000	140	115
2	Thuế xuất khẩu	25.000	60.000	240	102
3	Thuế nhập khẩu	63.640	48.473	76	103
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	200	112	56	104
6	Thu khác	0	415		101
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	11.000	44.000	400	0
<b>B</b>	<b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>5.959.700</b>	<b>11.725.600</b>	<b>197</b>	<b>128</b>
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	5.959.700	11.725.600	197	128